

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LÀO CAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2020/HNGĐ - PT

Ngày 10 - 3 - 2020

V/v “*Tranh chấp về thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LÀO CAI

- Thành phần hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Văn Khanh

Các Thẩm phán: Ông Hoàng Hữu Khoa

Ông Vũ Minh Quán

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Tuấn - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Lào Cai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lào Cai tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 09/3/2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lào Cai xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 01/2020/TLPT-HNGĐ ngày 17 tháng 01 năm 2020 về việc “*Tranh chấp về thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn*” do bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 13/2019/HNGĐ - ST ngày 29/11/2019 của TAND huyện B, tỉnh Lào Cai bị đơn anh Đỗ Văn B kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 02/2020/QĐ - PT ngày 24/02/2020 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Trần Thị H2.

Địa chỉ: Thôn B, xã C, huyện B, tỉnh Lào Cai. Có mặt tại phiên tòa.

2. *Bị đơn:* Anh Đỗ Văn B.

Địa chỉ: Thôn G, xã H, huyện H1, tỉnh Thanh Hóa. Có mặt tại phiên tòa.

3. *Người kháng cáo:* Bị đơn anh Đỗ Văn B.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn Chị Trần Thị H2 trình bày:

Chị Trần Thị H2 và anh Đỗ Văn B kết hôn với nhau năm 2013 đến năm 2019 thì ly hôn. Theo Quyết định công nhận thuận tình ly hôn số 53/2019/QĐST-HNGĐ ngày 29/5/2019 của TAND huyện B đã quyết định: Chị Trần Thị H2 nuôi dưỡng cháu Đỗ Kim Ánh Dương, sinh ngày 17/02/2017; anh Đỗ Văn B nuôi dưỡng cháu Đỗ Duy K, sinh ngày 08/9/2014 cho đến khi đủ 18 tuổi.

Sau đó anh Đỗ Văn B đã đón cháu Đỗ Duy K về nuôi tại xã C, huyện B, được một thời gian ngắn, anh B phải đi làm ăn nên đã gửi cháu K về nhà chị gái là Đỗ Thị N, địa chỉ thôn D, xã Đ, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc để ở. Đến tháng 6/2019 anh B lại đưa cháu K về nhà bố mẹ đẻ là ông Đỗ Văn Minh và bà Nguyễn Thị Sửu, địa chỉ tại thôn G, xã H, huyện H1, tỉnh Thanh Hóa. Việc anh B không trực tiếp nuôi cháu K mà gửi ông bà nuôi làm ảnh hưởng đến sự phát triển B thường của cháu. Vì vậy, chị H2 khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn, giao cháu Đỗ Duy K cho chị trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến đủ 18 tuổi và không yêu cầu anh B phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Đối với bị đơn anh Đỗ Văn B, quá trình giải quyết vụ án Tòa án sơ thẩm đã tổng đạt các văn bản tố tụng theo địa chỉ tại thôn B, xã C, huyện B, tỉnh Lào Cai. Tuy nhiên anh B không có mặt tại địa phương nên Tòa án đã thực hiện thủ tục niêm yết công khai theo quy định của Bộ luật TTDS nhưng anh B không có ý kiến gửi Tòa án cũng như không có mặt tại phiên tòa sơ thẩm nên không có ý kiến của anh B trong hồ sơ vụ án.

Bản án số 13/2019/HNGĐ - ST ngày 29/11/2019 của TAND huyện B, tỉnh Lào Cai đã quyết định:

Căn cứ vào Điều 81, 82, 83, điểm b khoản 2 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình 2014; khoản 3 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 và điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị H2. Thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn trong Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 53/2019/QĐST-HNGĐ ngày 29/5/2019 của TAND huyện B, tỉnh Lào Cai. Giao cháu Đỗ Duy K, sinh ngày 08/9/2014 cho chị Trần Thị H2 trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi trưởng thành đủ 18 tuổi.

Ngày 26/12/2019, Bị đơn anh Đỗ Văn B kháng cáo không nhất trí với quyết định của bản án sơ thẩm, đề nghị Tòa án hủy bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bị đơn anh Đỗ Văn B thay đổi yêu cầu kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử sửa bản án sơ thẩm, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Nguyên đơn chị Trần Thị H2 đề nghị hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lào Cai phát biểu ý kiến:

Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án thì Hội đồng xét xử, thư ký tòa án đã thực hiện đúng theo trình tự, thủ tục tố tụng dân sự, những người tham gia tố tụng đều chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử Chấp nhận kháng cáo của bị đơn anh Đỗ Văn B, sửa bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện B theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Trần Thị H2.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét, đánh giá đầy đủ, toàn diện các chứng cứ. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về hình thức đơn kháng cáo: Đơn kháng cáo của bị đơn anh Đỗ Văn B nộp trong hạn luật định, có đầy đủ nội dung theo quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự nên được chấp nhận.

[2] Xét nội dung kháng cáo của Bị đơn anh Đỗ Văn B:

Sau khi xét xử sơ thẩm, anh Đỗ Văn B kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, không nhất trí với quyết định của bản án sơ thẩm về việc thay đổi người trực tiếp nuôi con chung cháu Đỗ Duy K, sinh ngày 08/9/2014 để giao cho chị Trần Thị H2 nuôi dưỡng. Cụ thể như sau:

[2.1] Về việc tổng đạt văn bản tố tụng của Tòa án sơ thẩm đối với bị đơn anh Đỗ Văn B:

Theo đơn khởi kiện thì địa chỉ nơi cư trú của bị đơn anh Đỗ Văn B tại thôn B, xã C, huyện B, tỉnh Lào Cai. Kèm theo đơn khởi kiện chị H2 nộp chứng cứ là Giấy xác nhận nhân khẩu, hộ khẩu ngày 04/10/2019 của Công an xã C, huyện B. Theo đó, TAND tiến hành tổng đạt văn bản tố tụng cho anh B theo địa chỉ trên. Tuy nhiên việc tổng đạt không thực hiện được do anh B không có mặt tại địa phương, Tòa án sơ thẩm tiến hành niêm yết công khai văn bản tố tụng.

Xét thấy, xác nhận ngày 04/10/2019 của Công an xã C có nội dung xác nhận “Anh Đỗ Văn B đang tạm trú tại thôn B, xã C, huyện B, tỉnh Lào Cai” nhưng không ghi cụ thể thời gian tạm trú từ khi nào, tại thời điểm xác nhận thì anh B có thay đổi gì về nơi tạm trú không, có làm thủ tục tạm trú không. Tại biên bản xác minh của TAND huyện H1 ngày 31/10/2019 xác định: Anh B vẫn có tên trong HKTT tại xã H, H1, Thanh Hóa, chưa làm thủ tục tạm vắng hay chuyển khẩu đi đâu, anh B thường xuyên làm ăn xa nhưng cũng hay về nhà, từ cuối tháng 8 đến cuối tháng 9/2019 thì anh B có về sinh sống tại địa phương.

Hồ sơ vụ án cũng thể hiện, tất cả các văn bản trước khi Tòa án ban hành bản án chỉ niêm yết tại nơi tạm trú thì anh B đều không nhận được nên không có ý kiến gì. Tuy nhiên bản án sơ thẩm, thông báo nộp tạm ứng án phí phúc thẩm,

thông báo kháng cáo, khi Tòa án gửi qua dịch vụ bưu chính đến địa chỉ tại xã H, H1, Thanh Hóa thì anh B đều nhận được và thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ theo quy định của pháp luật. Quá trình giải quyết vụ án tại cấp phúc thẩm, anh B cung cấp cho Tòa án Giấy xác nhận nhân sự đề ngày 04/3/2020, trong đó có xác nhận của Công an xã H về việc anh Đỗ Văn B hiện đang có hộ khẩu thường trú tại thôn G, xã H, huyện H1, tỉnh Thanh Hóa.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án sơ thẩm chỉ căn cứ vào Giấy xác nhận nhân khẩu, hộ khẩu của Công an xã C nhưng không tiến hành xác minh cụ thể, thu thập chứng cứ để xác định địa chỉ nơi cư trú của bị đơn và thực hiện thủ tục tổng đạt văn bản tố tụng cho bị đơn tại thôn B, xã C là thiếu căn cứ, ảnh hưởng đến quyền lợi hợp pháp của anh B. Sai sót này của Tòa án cấp sơ thẩm cần phải được rút kinh nghiệm nghiêm túc.

[2.2] Xét kháng cáo của bị đơn về việc không nhất trí quyết định của bản án sơ thẩm thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn.

Theo quy định tại khoản 2 Điều 84 Luật Hôn nhân gia đình thì việc thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn được giải quyết khi có một trong các căn cứ sau:

“a) Cha, mẹ có thỏa thuận về việc thay đổi người trực tiếp nuôi con phù hợp với lợi ích của con;

b) Người trực tiếp nuôi con không còn đủ điều kiện trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.”

Quá trình giải quyết vụ án, chị H2 cho rằng anh B không có đủ điều kiện trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con bởi lẽ anh B không trực tiếp nuôi con mà gửi con cho ông bà nuôi. Tòa án sơ thẩm căn cứ vào lời khai của ông Đỗ Văn Minh là bố đẻ của anh B và nhận định anh B không còn đủ điều kiện trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con là chưa đủ căn cứ. Ngoài ra, từ thời điểm anh B và chị H2 (quyết định công nhận thuận tình ly hôn ngày 29/5/2019) đến khi chị H2 khởi kiện yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con là tháng 10/2019 là khoảng thời gian ngắn nên chưa thể khẳng định được việc anh B nuôi con có ảnh hưởng đến tâm sinh lý, lợi ích của con hay không. Hơn nữa, do Tòa án sơ thẩm xác định địa chỉ nơi cư trú của anh B không đúng như phân tích ở trên nên anh B không biết việc chị H2 khởi kiện và không nhận được các văn bản tố tụng của Tòa án nên không cung cấp được các chứng cứ chứng minh.

Tại cấp phúc thẩm, anh B cung cấp cho Tòa án chứng cứ là Bảng xác nhận lương của Công ty cổ phần đầu tư 810 Hà Nội, trong đó xác nhận anh B hiện đang có nghề nghiệp là công nhân lái xe tải với mức lương trung bình hàng tháng khoảng 15.000.000 đồng. Anh B trình bày anh làm việc cách nhà khoảng 06km, vẫn thường xuyên đi làm và về nhà hàng ngày. Ngoài ra, tại Biên bản lấy lời khai của TAND huyện H1, tỉnh Thanh Hóa đối với ông Đỗ Văn Minh (bố đẻ của anh B) thì anh B có gửi cháu Đỗ Duy K cho vợ chồng ông Minh nuôi dưỡng do thường xuyên phải đi làm xa nhà nhưng anh B vẫn về thăm nom, chăm sóc cháu K và gửi

tiền cho ông Minh để nuôi dưỡng cháu. Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy anh Đỗ Văn B vẫn có đủ điều kiện trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục cháu Đỗ Duy K.

[3] Từ những phân tích trên xét thấy việc Tòa án sơ thẩm quyết định chấp nhận yêu cầu khởi kiện thay đổi người trực tiếp nuôi con là không có căn cứ. Vì vậy, mặc dù Tòa án sơ thẩm có sai sót trong việc xác định nơi cư trú của bị đơn nhưng để ổn định bản án và không làm ảnh hưởng đến quyền lợi hợp pháp của đương sự cần sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Trần Thị H2. Do đó, kháng cáo của anh B là có căn cứ chấp nhận.

[4] Về án phí: Do kháng cáo được chấp nhận nên anh Đỗ Văn B không phải chịu tiền án phí dân sự phúc thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 148 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

1. Chấp nhận kháng cáo của bị đơn anh Đỗ Văn B. Sửa bản án sơ thẩm số 13/2019/HNGĐ - ST ngày 29/11/2019 của TAND huyện B, tỉnh Lào Cai như sau:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Trần Thị H2 về việc thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn.

2. Về án phí:

Về án phí sơ thẩm: Chị Trần Thị H2 phải chịu số tiền là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí số tiền là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AB/2012/0003299 ngày 04/10/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Lào Cai. Xác nhận chị Trần Thị H2 đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Về án phí phúc thẩm: Anh Đỗ Văn B không phải chịu tiền án phí dân sự phúc thẩm. Hoàn trả lại cho anh Đỗ Văn B số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AB/2012/0003336 ngày 02/01/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Lào Cai.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành

án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

CÁC THẨM PHÁN

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hoàng Hữu Khoa

Vũ Minh Quán

Bùi Văn Khanh

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Lào Cai (2);
- TAND huyện B;
- Chi cục THADS huyện B;
- Các đương sự;
- Lưu VT, HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Bùi Văn Khanh

CÁC THẨM PHÁN

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Vũ Minh Quán

Hoàng Hữu Khoa

Bùi Văn Khanh